

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-11-2021

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hùng
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05 ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Ph sinh năm 1987; Vắng mặt

Địa chỉ: ấp ĐPC, xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Vào năm 2016 chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Minh Ph và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian chung sống anh chị không có con chung tài sản chung và nợ chung.

Do có đăng ký kết hôn và chị chờ đợi đã hơn 04 năm nhưng gia đình bên anh Phụng cũng chưa tổ chức lễ cưới và nay tình cảm giữa chị và anh Ph không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Tại bản tự khai đề ngày 07/10/2020 và tại phiên hòa giải ngày 07/10/2020 bị đơn anh Nguyễn Minh Ph trình bày:

Giữa anh và chị Nguyễn Thị Kim T có thời gian tìm hiểu nhau, do có dự định sẽ cưới nhau nên mới đăng ký kết hôn trước vào ngày 06/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã LT. Từ sau khi đăng ký kết hôn xong anh chị đã sống chung với nhau như vợ chồng và mặc dù chưa làm lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng anh chị cũng đã bàn bạc với gia đình để hai bên tổ chức đám cưới và do hiện nay hoàn cảnh gia đình anh cũng khó khăn nên việc cưới xin có trễ hẹn. Nay anh vẫn còn thương yêu chị T nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn anh Nguyễn Minh Ph nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Nguyễn Minh Ph có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph theo qui định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Minh Ph xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Minh Ph là hợp pháp. Tuy nhiên theo phong tục tập quán tại địa phương gia đình hai bên phải tổ chức lễ cưới cho anh Ph và chị T nhưng gia đình anh Ph không tổ chức lễ cưới và cố ý trì hoãn kéo dài làm chị T phải chờ đợi hơn bốn năm và ảnh hưởng đến uy tín của gia đình chị T rất lớn. Đồng thời anh Ph cũng không còn quan tâm đến tính cảm của chị T, bỏ mặc không hề tới lui thăm hỏi nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị T và anh Ph không còn tình cảm với nhau nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Ph.

[4]. Đối với con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Minh Ph thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T, cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Ph.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Minh Ph thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002896 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, như vậy chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã LT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan